

Số: 18/2024/QĐST-VDS

Mai Sơn, ngày 04 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 37/2024/VDS-HNGĐ ngày 18/10/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Lê Đình T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tiểu khu B M, xã C N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Chị Quách Thị T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tiểu khu B, M, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Đình T và chị Quách Thị T kết hôn với nhau từ năm 2008 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hưng, huyện Bình Phước, tỉnh Bình Phước vào ngày 07/07/2008. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được 13 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Anh chị cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Do đó, anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Tại phiên hòa giải, anh T, chị T xác định mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh T, chị T có 02 con chung. Anh chị thống nhất chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Quách Ngọc Như Quỳnh, sinh ngày 06/02/2009 và cháu Lê Đình Gia Bảo, sinh ngày 29/09/2012 cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh T nhận cấp dưỡng nuôi dưỡng nuôi con chung định kỳ cùng chị T cho mỗi cháu là 1.000.000đ/1 tháng cả hai cháu là 2.000.000VNĐ/ tháng cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều kiện kinh tế của các bên và đảm bảo cho sự phát triển của con chung nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T, chị T thống nhất xác nhận không có tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

[4] Về lệ phí tòa án: Anh T, chị T thống nhất mỗi người chịu 50% lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 25 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:  
- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đình T và chị Quách Thị T.

- Về con chung: Anh chị thống nhất thỏa thuận; sau khi ly hôn chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu 02 cháu Quách Ngọc Như Quỳnh, sinh ngày 06/02/2009 và cháu Lê Đình Gia Bảo, sinh ngày 29/09/2012 cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh T nhận cấp dưỡng nuôi dưỡng nuôi con chung định kỳ cùng chị T cho mỗi cháu là 1.000.000đ/1 tháng cả hai cháu là 2.000.000VNĐ/ tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2024 cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung vợ chồng: Không có.
- Về nợ chung vợ chồng: Không có.
- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Đình T chịu lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa

án số 0001970 ngày 18 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, được trả lại 150.000VND (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Chị Quách Thị T chịu lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là 150.000VND (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã Hưng Long, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Tráng A Tánh**

